

Số: 301 /TCT-TCKT

V/v: Giải trình nguyên nhân chênh lệch
Báo cáo tài chính năm 2020 của TCT
Sông Đà - CTCP.

Hà Nội, ngày 9 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

1. Tên công ty : Tổng công ty Sông Đà
2. Mã chứng khoán : SJG
3. Địa chỉ : nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
4. Điện thoại : (84-024)38541164
5. Fax : (84-024)38541161
6. Người được uỷ quyền công bố thông tin: Vũ Đức Quang
7. Người đại diện : Trần Văn Tuấn
8. Nội dung thông tin công bố:
 - 8.1 Báo cáo tài chính (BCTC) công ty mẹ và hợp nhất năm 2020 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C phát hành ngày 9/4/2021 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.
 - 8.2 Giải trình chênh lệch số liệu, kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán trên báo cáo tài chính hợp nhất và Công ty mẹ:
 - Đối với số liệu Bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả kinh doanh trong báo cáo tài chính Quý IV đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên:
 - + Đối với số liệu trên Bảng cân đối kế toán: một số chỉ tiêu chênh lệch do số liệu tại công ty con có sự thay đổi sau khi được kiểm toán, đồng thời việc loại trừ các giao dịch nội bộ giữa các công ty con với nhau, tách lợi ích cổ đông không kiểm soát dẫn đến số liệu trên Bảng cân đối kế toán sau kiểm toán thay đổi so với số liệu trong báo cáo tài chính quý IV/2020.
 - + Đối với số liệu tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:
 - (i) Báo cáo hợp nhất năm 2020, lợi nhuận trước thuế sau kiểm toán giảm so với số liệu lũy kế trên BCTC quý IV/2020 do thay đổi do kết quả thay đổi từ công ty con dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh sau kiểm toán giảm so với số liệu lũy kế trên BCTC quý IV/2020.

(ii) Báo cáo công ty mẹ, lợi nhuận trước thuế tại báo cáo sau kiểm toán là 31,669 tỷ đồng giảm 0,553 tỷ đồng so với báo cáo trước kiểm toán nguyên nhân chủ yếu do trích lập dự phòng tài chính bổ sung.

- Đối với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

+ BCTC công ty mẹ lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 31,669 tỷ đồng giảm 8,48 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 22% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu: năm 2020 mức trích lập dự phòng tài chính và phải thu khó đòi tăng so với năm 2019 (năm 2020 trích lập dự phòng đầu tư tài chính là 25,478 tỷ đồng và dự phòng phải thu khó đòi là 23,632 tỷ đồng; doanh thu giảm so với năm trước.

+ BCTC hợp nhất: Lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 178,735 tỷ đồng giảm 142,74 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 45% so với năm 2019. Nguyên nhân chính: các công trình do Tổng công ty Sông Đà làm tổng thầu đã đi vào giai đoạn cuối, doanh thu giảm nên lợi nhuận giảm tương ứng; Hoạt động kinh doanh bất động sản triển khai chậm dẫn đến bán hàng chưa đạt theo kế hoạch.

9. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.songda.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin được công bố là đúng sự thật và đúng theo các quy định của luật kế toán.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT;

Người được uỷ quyền công bố thông tin



**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC BAN TCKT**

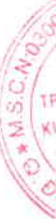
Vũ Đức Quang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 59



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty và các công ty con.

Khái quát về Tổng công ty

Tổng công ty Sông Đà được thành lập theo Quyết định 996/BXD-TCLD ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng với tên gọi Tổng công ty Xây dựng Sông Đà, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng; Quyết định số 225/QĐ-BXD ngày 11 tháng 3 năm 2002 của Bộ Xây dựng đổi tên thành Tổng công ty Sông Đà.

Tổng công ty Sông Đà được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2435/QĐ-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Xây dựng và chuyển đổi mô hình từ Công ty TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà.

Tổng công ty Sông Đà được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100105870 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 4 năm 2010. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 06 tháng 4 năm 2018 chính thức chuyển đổi Tổng công ty Sông Đà - Công ty TNHH Một thành viên thành công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Sông Đà - CTCP, vốn điều lệ là 4.495.371.120.000 VND. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 7 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc thay đổi trụ sở chính.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 3 854 1164
- Fax : (024) 3 854 1161
- Email : banbientap@songda.vn
- Website : <http://www.songda.vn>
- Mã số thuế : 0100105870

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo đăng ký là:

- Chế tạo và lắp đặt các thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng; Kinh doanh vật tư, thiết bị vật liệu xây dựng;
- Đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án xây dựng;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý du lịch; điều hành tua du lịch;
- Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ nổ mìn; Mua bán khoáng sản;

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Tổng thầu xây lắp, tổng thầu EPC và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm, thi công và xử lý nền móng công trình;
- Sản xuất điện; kinh doanh điện thương phẩm;
- Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở;
- Tổ chức nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ; Đào tạo phát triển nguồn lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
- Sửa chữa tàu thuyền;
- Xuất khẩu lao động (chi hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép)/.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng ban	Bổ nhiệm Ngày 09 tháng 4 năm 2018
Bà Trần Thị Mỹ Hào	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Thự	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2019
Ông Hoàng Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Trần Văn Tuấn - Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng công ty và các công ty con.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty và các công ty con với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng công ty và các Công ty con và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty và các công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

Ngày 09 tháng 4 năm 2021

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0383/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty") và các công ty con, được lập ngày 09 tháng 4 năm 2021, từ trang 07 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Sông Đà và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số I.5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng công ty và các Công ty con chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2021



Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2963-2020-008-1

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.239.023.143.859	12.931.290.915.627
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	380.351.719.636	466.947.812.848
1. Tiền	111		336.586.403.005	289.743.199.116
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.765.316.631	177.204.613.732
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		168.013.413.032	252.427.530.365
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	21.381.661.250	26.522.739.614
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(1.064.024.110)	(3.538.468.847)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	147.695.775.892	229.443.259.598
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.809.223.269.064	8.984.196.192.554
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	4.023.892.620.554	4.438.279.398.081
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	427.494.335.393	485.929.044.511
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	3.183.735.324.572	3.001.450.563.978
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	1.567.898.783.789	1.523.352.854.929
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(408.235.197.002)	(475.444.008.618)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.8	14.437.401.758	10.628.339.673
IV. Hàng tồn kho	140		2.687.961.259.674	3.005.778.678.201
1. Hàng tồn kho	141	V.9	2.687.961.259.674	3.007.421.075.257
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	-	(1.642.397.056)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		193.473.482.453	221.940.701.659
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	63.730.693.431	86.767.438.248
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		123.056.094.944	125.501.127.499
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19	6.686.694.078	9.672.135.912
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.814.879.757.075	15.051.633.953.710
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.035.053.164.657	1.130.447.961.463
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	440.039.189.694	453.837.781.391
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	587.989.026.998	610.401.706.736
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	7.024.947.965	66.208.473.336
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.532.939.040.898	9.495.395.155.492
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	9.476.472.181.517	9.431.833.254.498
<i>Nguyên giá</i>	222		17.995.035.979.640	18.347.167.201.440
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.518.563.798.123)	(8.915.333.946.942)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	47.809.171.227	52.133.596.892
<i>Nguyên giá</i>	225		79.407.784.501	72.626.177.682
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(31.598.613.274)	(20.492.580.790)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	8.657.688.154	11.428.304.102
<i>Nguyên giá</i>	228		14.097.397.123	17.272.916.011
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.439.708.969)	(5.844.611.909)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		192.300.489.881	774.716.227.526
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	192.300.489.881	774.716.227.526
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.719.527.790.323	3.178.208.145.849
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	2.403.122.974.806	2.860.162.125.765
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	354.953.481.478	352.989.875.478
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(39.548.665.961)	(35.303.855.394)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.000.000.000	360.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		335.059.271.316	472.866.463.380
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	175.201.454.418	292.119.941.774
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.962.386.535	5.335.893.433
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.15	21.003.637.490	22.189.109.078
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.16	131.891.792.873	153.221.519.095
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		26.053.902.900.934	27.982.924.869.337

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		18.883.330.709.902	20.400.845.708.586
I. Nợ ngắn hạn	310		12.173.642.240.817	12.560.550.962.233
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17a	2.262.551.161.663	2.448.654.123.464
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	806.318.921.271	1.271.873.461.180
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	249.462.096.512	307.749.988.310
4. Phải trả người lao động	314		267.076.753.809	288.881.631.017
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	1.189.644.473.633	793.280.499.432
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21	12.976.296.293	15.753.740.500
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22a	2.149.837.480.414	2.061.348.496.781
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a	5.195.425.470.565	5.325.421.304.242
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.227.102.179	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	39.122.484.478	47.587.717.307
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.709.688.469.085	7.840.294.746.353
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.17b	146.481.030.980	156.346.909.687
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21	90.439.782.764	152.124.400.064
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22b	91.647.853.477	143.346.561.236
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b	6.363.107.483.308	7.373.309.820.501
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		16.911.336.619	14.433.644.283
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.100.981.937	733.410.582
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.170.572.191.032	7.582.079.160.751
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	7.170.537.595.435	7.582.044.565.154
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		121.017.852.438	121.567.440.382
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		37.988.691.817	19.346.479.965
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.608.267.387.373)	(1.605.686.775.287)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		190.015.385.366	233.542.101.533
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		762.228.540.816	766.899.475.459
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.798.115.744	6.798.115.744
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		636.912.854.840	1.040.671.493.393
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		629.391.501.977	1.040.671.493.393
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.521.352.863	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		9.749.706	9.749.706
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.528.462.672.081	2.503.525.364.259
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		34.595.597	34.595.597
1. Nguồn kinh phí	431		34.595.597	34.595.597
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		26.053.902.900.934	27.982.924.869.337

Lập, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Mai Hương

Vũ Đức Quang

Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.044.289.725.925	6.973.551.104.678
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	44.625.212.967	20.542.812.874
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	5.999.664.512.958	6.953.008.291.804
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.602.115.018.135	5.321.688.202.863
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.397.549.494.823	1.631.320.088.941
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	217.131.860.091	374.436.040.648
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	866.789.449.683	1.017.965.267.734
Trong đó: chi phí lãi vay	23		800.686.680.381	972.764.329.798
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		9.798.940.157	85.217.025.058
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.973.348.677	6.428.326.997
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	471.833.758.303	577.913.392.307
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		280.883.738.408	488.666.167.609
12. Thu nhập khác	31	VI.7	46.628.937.244	47.424.266.032
13. Chi phí khác	32	VI.8	69.336.874.743	135.456.079.082
14. Lợi nhuận khác	40		(22.707.937.499)	(88.031.813.050)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		258.175.800.909	400.634.354.559
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		78.871.743.299	82.724.531.188
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		568.098.751	(3.569.355.477)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>178.735.958.859</u>	<u>321.479.178.848</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>7.521.352.863</u>	<u>157.474.040.870</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>171.214.605.996</u>	<u>164.005.137.978</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>17</u>	<u>350</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>17</u>	<u>350</u>

Người lập biểu

Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		258.175.800.909	400.634.354.559
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		676.636.262.031	735.026.648.601
- Các khoản dự phòng	03		(65.486.169.308)	125.972.578.764
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	28.050.121.039	(9.869.018.956)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(206.883.849.005)	(294.864.918.662)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	800.686.680.381	972.764.329.798
- Các khoản điều chỉnh khác	07	V.23	6.618.410.584	6.850.410.584
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.497.797.256.631	1.936.514.384.688
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		362.710.239.421	214.044.228.748
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		320.645.287.171	(143.660.115.987)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(605.396.348.906)	(427.162.735.236)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		139.955.232.173	368.383.657
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		5.141.078.364	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(675.011.106.356)	(799.192.731.481)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.19	(71.586.779.070)	(78.575.670.939)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.24	734.558.896	605.676.366
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.24	(43.929.030.535)	(61.537.384.453)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		931.060.387.789	641.404.035.363
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(381.296.034.989)	(326.251.014.008)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		25.635.727.027	12.478.547.842
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(186.457.614.936)	(229.720.633.019)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		281.674.827.003	525.561.293.976
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.481.106.000)	(11.930.876.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	11.030.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		228.370.321.084	293.836.865.826
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.553.880.811)	275.004.184.617

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.23	3.450.694.832.852	5.062.338.854.627
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.23	(4.339.474.423.501)	(5.975.303.166.812)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.23	(21.539.167.017)	(16.327.975.135)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(69.624.570.399)	(313.050.371.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(979.943.328.065)	(1.242.342.658.920)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(86.436.821.087)	(325.934.438.940)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	466.947.812.848	792.081.478.397
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(159.272.125)	800.773.391
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	380.351.719.636	466.947.812.848

Người lập biểu

Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là:

- Các ngành nghề kinh doanh chính: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng;
- Các ngành nghề kinh doanh có liên quan: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng; xuất khẩu lao động; đại lý du lịch; điều hành tua du lịch; khách sạn; dịch vụ nổ mìn./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

6. Cấu trúc Tổng công ty

Tổng công ty bao gồm Công ty Mẹ và 21 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Các Công ty con do Công ty mẹ đầu tư trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (*)	Km 10, đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	40,77%	40,77%
2. Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
3. Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Tầng 3, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các Công ty con do Công ty mẹ đầu tư trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
4. Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.	Xây lắp	64,16%	64,16%	64,16%	64,16%
5. Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	65,24%	65,24%	65,24%	65,24%
6. Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	58,50%	58,50%	58,50%	58,50%
7. Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Tầng 10-11, tòa nhà sông đà, đường phạm hùng, phường mỹ đình 1, quận Nam từ liêm, Thành phố Hà Nội	Xây lắp	62,27%	62,27%	62,27%	62,27%
8. Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	P501 tầng 5 số 121 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
9. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	số 96, đường Phạm Văn Đồng, phường Hoa Lư, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.	Kinh doanh thủy điện	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
10. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Tiểu khu 5, Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.	Kinh doanh thủy điện	58,58%	58,58%	68,93%	58,58%
11. Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đơn	Áp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.	Kinh doanh thủy điện	50,96%	50,96%	50,96%	50,96%
12. Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.	Dịch vụ tư vấn	51,01%	51,01%	51,01%	51,01%
13. Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Xóm 7, xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.	Thu phí đường bộ	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

(*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty trên ít hơn 50% nhưng Tổng công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Do vậy các công ty này bị Tổng công ty kiểm soát và Báo cáo tài chính của các công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các Công ty con do Công ty mẹ đầu tư gián tiếp		Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	Km 10, đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	100,00%	100,00%
2. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Đaklô	Thôn Măng đen, xã Đắc Long, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	Kinh doanh thủy điện	50,48%	50,48%	98,97%	98,97%
3. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Xã Tân Thành, huyện Bắc Giang, tỉnh Hà Giang	Kinh doanh thủy điện	29,84%	29,84%	51,00%	51,00%
4. Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	Tầng 8, tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh Bất động sản	22,65%	22,65%	75,90%	75,90%
5. Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	Xã Ia monông, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Xây lắp	62,27%	62,27%	100,00%	100,00%
6. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	Bản Mường Tùng, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên	Kinh doanh thủy điện	35,77%	35,77%	57,45%	57,45%
7. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	Làng Kon Sơ Lãng, xã Hà Tây, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Kinh doanh thủy điện	41,40%	41,40%	81,25%	81,25%
8. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Thôn Lai Xá, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	37,48%	37,48%	73,48%	73,48%

6b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Tầng 5 nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.	Dịch vụ tư vấn	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
2. Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.	Thu phí đường bộ	28,65%	28,65%	28,65%	28,65%
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	36,35%	36,35%	36,35%	36,35%
4. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
5. Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	Tầng 9, Khu B, Tòa nhà HH4, Đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Kinh doanh thủy điện	35,11%	35,11%	35,11%	35,11%

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Số 23 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	Kinh doanh bất động sản	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
7. Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
8. Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà	Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	46,15%	46,15%	46,15%	46,15%
9. Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Thôn Phú Nguyên, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.	Sản xuất, xuất nhập khẩu cao su	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
10. Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	Lô số 7-8, LK3, Khu đô thị Đại Thanh, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	29,10%	29,10%	29,10%	29,10%
11. Công ty Cổ phần Sông Đà 27	Số 155, đường Trần Phú, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.	Xây lắp	37,23%	37,23%	37,23%	37,23%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng công ty có 5.584 nhân viên đang làm việc.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính tổng hợp của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với công ty con và giữa các công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng công ty và các công ty con và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tổng công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi Tổng công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tổng công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng công ty và các công ty con với ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng công ty và các công ty con có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Riêng Chứng khoán kinh doanh của Công ty mẹ là các chứng khoán nhận được khi rút vốn đầu tư khỏi Quỹ đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF). Số lượng chứng khoán được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners và Tổng công ty Sông Đà. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị thị trường trên Báo cáo danh mục đầu tư tháng 3 năm 2016 của Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners (đối với các chứng khoán có giá giao dịch) hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất với thời điểm ngày 13 tháng 5 năm 2016.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty và các công ty con có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty và các công ty con nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các công ty con và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tổng công ty và các công ty con ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng công ty và các công ty con trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tổng công ty và các công ty con trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng công ty và các công ty con ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ và các Công ty con thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ và các Công ty con trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng công ty và các công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty và các công ty con thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng công ty và các công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty và các công ty con không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng công ty và công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty mẹ và các Công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá gốc hàng tồn kho cuối kỳ được lựa chọn phù hợp với từng loại hàng tồn kho.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho tại các Công ty con có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí tái cấu trúc doanh nghiệp

Chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay là 32 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2015 đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Giá trị thương hiệu Sông Đà được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm kể từ thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

Tài sản cố định hữu hình khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá TSCĐ theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TTBTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tổng công ty và các công ty con sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty và các công ty con đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... hoặc Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty mẹ và các Công ty con trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn giao đất hoặc thuê đất. Trường hợp quyền sử dụng đất không xác định thời hạn thì không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Các tài sản cố định vô hình của Công ty mẹ được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

15. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tổng công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tổng công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty mẹ và các Công ty con, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

17. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

18. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh theo mệnh tại ngày phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

19. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Là các khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty và các công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty và các công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty và các công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng công ty và các công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng công ty và các công ty con đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng công ty và các công ty con đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng công ty và các công ty con đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tổng công ty và các công ty con đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tổng công ty và các công ty con đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty mẹ và các Công ty con đã không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty và các công ty con đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

22. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng công ty và các công ty con đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

24. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

25. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tổng công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	15.364.153.777	25.072.074.295
Tiền gửi ngân hàng	320.052.617.328	264.671.124.821
Tiền đang chuyển	1.169.631.900	-
Các khoản tương đương tiền (các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	43.765.316.631	177.204.613.732
Cộng	380.351.719.636	466.947.812.848

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty và các công ty con bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty và các công ty con như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn (*)	1.600.500.000	(1.064.024.110)	1.600.500.000	(877.943.083)
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (*)	1.577.041.250	-	1.577.041.250	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (*) (i)	18.204.120.000	-	18.204.120.000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	-	-	300.000	(683.200)
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà	-	-	400.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà	-	-	815.000.000	-
Công ty Cổ phần SDP	-	-	1.323.404.364	(1.148.142.564)
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Sông Đà	-	-	1.974.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	-	-	3.000.000.000	(1.511.700.000)
Cộng	21.381.661.250	(1.064.024.110)	26.522.739.614	(3.538.468.847)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Đây là các chứng khoán được nhận khi rút vốn khỏi Quỹ Đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF), được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS và Tổng Công ty Sông Đà.

(i) Giá trị ghi sổ của Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú đã được thế chấp để đảm bảo cho Trái phiếu Sông Đà và khoản vay tại các Ngân hàng là 18.204.120.000 VND.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.538.468.847	2.610.510.864
Trích lập dự phòng bổ sung	186.081.027	1.091.307.983
Giảm do thoái vốn công ty con	(2.660.525.764)	(163.350.000)
Số cuối năm	1.064.024.110	3.538.468.847

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	147.695.775.892	147.695.775.892	229.443.259.598	229.443.259.598
Tiền gửi có kỳ hạn	147.695.775.892	147.695.775.892	229.443.259.598	229.443.259.598
Dài hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	360.000.000	360.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	360.000.000	360.000.000
Trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Cộng	148.695.775.892	148.695.775.892	229.803.259.598	229.803.259.598

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	40.230.000.000	119.649.094.693
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	134.848.445.697	134.810.174.747
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.768.397.463	3.566.181.415
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	838.931.309.267	801.809.522.582
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	19.943.926.691	21.409.469.966
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	1.349.992.336.514	1.720.680.090.272
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	11.408.559.174	11.272.885.719
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	-	5.573.526.465
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	-	37.391.179.907
Cộng	2.403.122.974.806	2.860.162.125.765

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản do Công ty mẹ đầu tư trực tiếp vào Công ty liên kết được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Tên công ty	Vốn góp đến ngày 31/12/2020	Chênh lệch xác định giá trị cổ phiếu thưởng	Tăng, giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31/12/2020
Công ty Cổ phần BOT Quốc Lộ 2	128.215.909.014	-	(87.985.909.014)	40.230.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	84.000.000.000	-	50.848.445.697	134.848.445.697
Công ty TNHH Tư Vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.504.398.126	-	263.999.337	3.768.397.463
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	1.065.245.494.600	154.096.669.600	(380.410.854.933)	838.931.309.267
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	20.887.000.000	-	(943.073.309)	19.943.926.691
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	1.107.039.446.070	-	242.952.890.444	1.349.992.336.514
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riêng Kratie	100.000.000.000	-	(96.000.000.000)	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	12.005.000.000	-	(12.005.000.000)	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	23.838.175.200	-	(23.838.175.200)	-
Cộng	2.544.735.423.010	154.096.669.600	(307.117.676.978)	2.391.714.415.632

Các khoản do Công ty mẹ đầu tư gián tiếp qua các Công ty con vào Công ty liên kết được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Tên công ty	Vốn góp đến ngày 31/12/2020	Tăng, giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31/12/2020
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	4.560.000.000	6.848.559.174	11.408.559.174
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	878.454.000	(878.454.000)	-
Cộng	5.438.454.000	5.970.105.174	11.408.559.174

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	55.396.800.278	-	55.396.800.278	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	13.082.914.986	-	13.082.914.986	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà	1.536.000.000	-	1.536.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dung Quất	538.200.000	-	538.200.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà - Đất Vàng	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà Sao	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	5.930.749.831	-	5.930.749.831	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su COECO	4.573.200.000	(423.244.509)	4.573.200.000	(85.051.327)
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà	25.724.000.000	(4.339.546.714)	25.724.000.000	(4.339.546.714)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	165.300.000	-	165.300.000	(165.300.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2	35.258.322.110	(165.300.000)	35.258.322.110	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn	2.951.350.000	-	2.951.350.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	6.875.500.000	-	6.875.500.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	51.820.100.000	-	51.820.100.000	-
Tổng công ty Hà Thành	110.000.000	-	110.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Dầu mỏ Phương Đông	500.000.000	(200.000.000)	500.000.000	(325.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	18.628.000.000	(17.510.320.000)	18.628.000.000	(16.765.200.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	5.784.940.000	(5.613.440.000)	5.784.940.000	(5.466.440.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	9.450.000.000	(3.321.189.047)	9.450.000.000	(3.383.118.929)
Công ty Cổ phần G.S.M	585.000.000	(585.000.000)	585.000.000	(585.000.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Psi	1.841.309.273	-	1.841.309.273	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn	102.000.000	-	102.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1.500.000.000	(707.887.800)	1.500.000.000	(78.698.677)
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk sor 3	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	10.445.280.000	(3.842.537.891)	10.445.280.000	(2.850.499.747)
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	85.254.515.000	-	79.773.409.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mực	-	-	1.940.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư PV - Inconess	-	-	457.500.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	-	-	20.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	4.900.000.000	(2.840.200.000)	6.000.000.000	(1.260.000.000)
Công ty Cổ phần Năng lượng Dầu khí Toàn cầu	6.200.000.000	-	6.200.000.000	-
Cộng	354.953.481.478	(39.548.665.961)	352.989.875.478	(35.303.855.394)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>968.075.056.420</i>	<i>959.879.913.941</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.580.598.208	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	574.149.538	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	25.477.541.047	25.477.541.047
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	10.440.863	21.634.862
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	407.426.143	407.426.143
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	9.384.165.774	14.254.729.617
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	4.006.828.011	3.112.502.940
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	362.451.300.909	346.266.345.606
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	563.147.243.084	569.114.338.858
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	35.362.843	1.225.394.868
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>3.055.817.564.134</i>	<i>3.478.399.484.140</i>
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5	378.881.468.411	438.355.829.952
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	64.244.175.072	178.734.661.194
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Á	114.924.598.681	117.524.889.517
Liên danh CMC/ITD/Song Da	105.181.834.528	125.328.668.107
Tổng công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	118.777.128.485	122.777.128.485
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	114.907.628.198	114.907.628.198
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	147.220.255.060	108.704.964.630
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	79.380.000.727	107.480.000.727
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà Quốc hội	37.296.961.773	70.937.848.698
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	46.367.015.302	64.705.222.023
Ban Quản lý Dự án thủy điện 4	60.998.470.051	63.231.823.051
Công ty Cổ phần Điện lực Tây Bắc	56.184.892.285	56.893.240.849
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	51.327.407.966	51.327.407.966
Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Ma	92.471.171.851	49.309.193.656
Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Long	7.200.000.002	11.627.540.000
Công ty TNHH Năng lượng Chaleun Sekong	81.708.393.109	35.234.014.420
Các khách hàng khác	1.498.746.162.633	1.761.319.422.667
Cộng	<u>4.023.892.620.554</u>	<u>4.438.279.398.081</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	152.532.404.445	167.511.215.121
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	19.858.329.399	19.858.329.399
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	132.629.258.849	147.608.069.525
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	44.816.197	44.816.197
Phải thu các khách hàng khác	287.506.785.249	286.326.566.270
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	1.272.417.636	75.230.517.111
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 1	104.532.195.510	104.532.195.510
Các khách hàng khác	181.702.172.103	106.563.853.649
Cộng	440.039.189.694	453.837.781.391

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	36.689.441.204	765.773.324
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.747.108.285	-
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	33.942.332.919	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	-	765.773.324
Trả trước cho người bán khác	390.804.894.189	485.163.271.187
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Lai Châu	17.290.607.948	20.712.017.225
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh	33.355.782.068	47.862.357.298
Công ty TNHH Nhạc Sơn	14.441.024.594	45.271.190.701
Các đối tượng khác	325.717.479.579	371.317.705.963
Cộng	427.494.335.393	485.929.044.511

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	1.089.188.393.617	1.017.291.376.429
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	2.027.453.211	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	1.087.160.940.406	1.017.132.043.971
Công ty Cổ phần Năng Lượng Someco 1	-	159.332.458
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.094.546.930.955	1.984.159.187.549
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – vốn lưu động	971.009.156.984	975.009.156.984
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – cho vay lại	1.074.578.144.742	965.461.669.242
Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2	15.000.000.000	15.000.000.000
Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - CTCP	28.262.038.771	26.088.361.323
Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Phúc Khánh	-	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom	5.597.590.458	-
Viện Kinh tế xây dựng	100.000.000	100.000.000
Cộng	3.183.735.324.572	3.001.450.563.978

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5b. Phải thu về cho vay dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Sở Xây dựng Sơn La	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – cho vay lại	587.889.026.998	610.301.706.736
Cộng	587.989.026.998	610.401.706.736

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Phải thu các bên liên quan</u>	<u>210.498.592.392</u>	<u>178.257.287.363</u>
<u>Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia</u>	<u>80.479.022.036</u>	<u>79.626.069.052</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	78.046.612.000	78.046.612.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.697.410.036	1.579.457.052
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	735.000.000	-
<u>Phải thu các khoản khác</u>	<u>130.019.570.356</u>	<u>98.631.218.311</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	21.988.834.619	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	99.692.135.765	91.297.777.351
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	26.242.254	26.242.254
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	942.053.461	41.962.777
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	7.227.543.395	7.265.235.929
Chi nhánh Tây Nguyên - Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1	137.334.225	-
Công ty TNHH Tư vấn Ucrin	5.426.637	-
<u>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</u>	<u>1.357.400.191.397</u>	<u>1.345.095.567.566</u>
Tạm ứng	117.726.934.686	177.547.339.698
Ký quỹ, ký cược	114.010.208.046	118.477.297.311
Phải thu về cổ phần hóa	5.871.915.738	5.886.915.738
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - Lãi và phí cho vay lại	628.642.921.977	530.026.759.655
Tiền khối lượng công trình Cổ Mã	26.240.232.000	26.240.232.000
Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	29.351.147.150	35.813.790.000
Các khoản phải thu khác	435.556.831.800	451.103.233.164
Cộng	1.567.898.783.789	1.523.352.854.929

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6b. Phải thu dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	6.974.947.965	3.635.397.294
Phải thu dài hạn khác	50.000.000	62.573.076.042
Cộng	<u>7.024.947.965</u>	<u>66.208.473.336</u>

7. Nợ xấu

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	475.444.008.618	356.428.515.903
Trích lập dự phòng bổ sung	62.819.562.949	138.015.254.860
Hoàn nhập dự phòng	(44.582.159.540)	(18.923.545.407)
Giảm do hợp nhất	(84.583.175.810)	-
Sử dụng dự phòng	(863.039.215)	(76.216.738)
Số cuối năm	<u>408.235.197.002</u>	<u>475.444.008.618</u>

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền	-	556.401.857
Hàng tồn kho	-	242.302.579
Tài sản khác ^(*)	14.437.401.758	9.829.635.237
Cộng	<u>14.437.401.758</u>	<u>10.628.339.673</u>

(*) Giá trị chênh lệch Công trình thủy điện Nậm He của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 sau kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

9. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	3.819.680.111	-
Nguyên liệu, vật liệu	332.664.939.058	-	331.970.457.764	(42.265.295)
Công cụ, dụng cụ	11.680.915.592	-	16.349.042.439	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.320.933.556.481	-	2.610.668.259.053	-
Thành phẩm	8.538.319.654	-	10.610.911.343	(178.938.830)
Hàng hóa	1.902.436.000	-	3.323.628.931	(1.421.192.931)
Hàng hóa bất động sản	12.241.092.889	-	30.679.095.616	-
Cộng	<u>2.687.961.259.674</u>	<u>-</u>	<u>3.007.421.075.257</u>	<u>(1.642.397.056)</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

10a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	9.219.976.991	16.670.381.316
Chi phí sửa chữa	158.187.816	5.294.026.680
Chi phí bảo hiểm	1.552.461.257	2.041.932.443
Chi phí tư vấn hợp đồng McKinsey ⁽ⁱ⁾	47.677.389.977	47.677.389.977
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.122.677.390	15.083.707.832
Cộng	<u>63.730.693.431</u>	<u>86.767.438.248</u>

⁽ⁱ⁾ Là chi phí tư vấn tái cấu trúc sử dụng vốn của Tập đoàn Sông Đà giai đoạn 2010 – 2012 chờ ý kiến của Bộ Xây dựng thực hiện văn bản chỉ đạo số 1478/TTg-ĐMDN của Thủ tướng chính phủ về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà.

10b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí tư vấn tái cấu trúc	44.521.982.194	46.642.076.084
Công cụ dụng cụ	56.805.043.334	99.929.699.873
Chi phí ban điều hành	7.670.012.352	7.192.337.794
Chi phí sửa chữa tài sản	45.753.554.761	49.004.460.280
Thuê đất, thuê văn phòng, nhà xưởng	5.308.370.905	73.600.011.182
Chi phí khắc phục sự cố thiên tai	-	5.492.454.546
Thương hiệu Sông Đà	1.184.985.596	5.924.927.912
Nhà lắp ghép	1.943.206.222	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	12.014.299.054	4.333.974.103
Cộng	<u>175.201.454.418</u>	<u>292.119.941.774</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	9.594.629.928.688	7.288.946.379.629	1.157.484.161.606	33.465.404.321	272.641.327.196	18.347.167.201.440
Mua sắm mới	-	129.995.877.023	4.373.074.595	4.607.111.096	-	138.976.062.714
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	628.511.236.268	133.170.192.590	-	-	300.549.000	761.981.977.858
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	6.937.180.000	-	-	-	6.937.180.000
Giảm tài sản do bàn giao cho đơn vị khác khi hết hạn Hợp đồng BOT	(666.722.580.069)	(405.100.000)	-	(281.421.019)	-	(667.409.101.088)
Giảm do thiên tai, kiểm kê	-	(5.156.344.989)	-	(123.078.182)	-	(5.279.423.171)
Thanh lý, nhượng bán	-	(196.962.299.596)	(36.892.902.287)	(166.871.860)	-	(234.022.073.743)
Giảm do hợp nhất	(231.707.554.939)	(86.624.533.184)	(32.139.227.770)	(2.844.528.477)	-	(353.315.844.370)
Phân loại lại	-	944.327.314	(944.327.314)	-	-	-
Số cuối năm	9.324.711.029.948	7.270.845.678.787	1.091.880.778.830	34.656.615.879	272.941.876.196	17.995.035.979.640
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	145.653.999.835	1.607.603.920.331	342.365.598.074	11.467.970.932	2.232.157.919	2.109.323.647.091
Chờ bàn giao, thanh lý	-	77.230.488.155	15.141.201.571	164.818.182	489.363.636	93.025.871.544
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.316.434.073.931	4.610.822.468.080	896.217.196.895	26.882.646.672	64.977.561.364	8.915.333.946.942
Khấu hao trong năm	307.536.440.449	284.086.463.777	51.475.902.001	3.242.270.381	11.816.831.955	658.157.908.563
Khấu hao tài sản cố định hình thành từ quỹ khen thưởng	68.544.647	-	-	-	-	68.544.647
Hao mòn tài sản thuê tài chính mua lại	-	6.715.669.873	-	-	-	6.715.669.873
Giảm tài sản do bàn giao cho đơn vị khác khi hết hạn Hợp đồng BOT	(666.722.580.069)	(405.100.000)	-	(281.421.019)	-	(667.409.101.088)
Giảm do thiên tai, kiểm kê	-	(4.750.751.445)	-	(123.078.182)	-	(4.873.829.627)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Thanh lý, nhượng bán	-	(196.892.996.411)	(36.892.902.287)	(166.871.860)	-	(233.952.770.558)
Giảm do hợp nhất	(35.047.928.747)	(85.712.906.970)	(31.975.559.020)	(2.740.175.892)	-	(155.476.570.629)
Phân loại lại	-	4.290.456.042	(4.290.456.042)	-	-	-
Số cuối năm	2.922.268.550.211	4.618.153.302.946	874.534.181.547	26.813.370.100	76.794.393.319	8.518.563.798.123
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.278.195.854.757	2.678.123.911.549	261.266.964.711	6.582.757.649	207.663.765.832	9.431.833.254.498
Số cuối năm	6.402.442.479.737	2.652.692.375.841	217.346.597.283	7.843.245.779	196.147.482.877	9.476.472.181.517

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 8.061.990.238.384 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	65.634.524.957	6.991.652.725	72.626.177.682
Thuê tài chính trong năm	12.458.125.001	1.245.481.818	13.703.606.819
Phân loại lại	(9.867.281.820)	9.867.281.820	-
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(6.922.000.000)	-	(6.922.000.000)
Số cuối năm	61.303.368.138	18.104.416.363	79.407.784.501
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	20.274.091.645	218.489.145	20.492.580.790
Khấu hao trong năm	13.377.265.165	4.444.437.192	17.821.702.357
Phân loại lại	(894.369.689)	894.369.689	-
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(6.715.669.873)	-	(6.715.669.873)
Số cuối năm	26.041.317.248	5.557.296.026	31.598.613.274
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	45.360.433.312	6.773.163.580	52.133.596.892
Số cuối năm	35.262.050.890	12.547.120.337	47.809.171.227

13. Tài sản cố định vô hình

	Chi phí quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.935.518.564	-	5.647.397.447	690.000.000	17.272.916.011
Giảm do hợp nhất	(2.585.540.364)	-	(89.978.524)	(500.000.000)	(3.175.518.888)
Phân loại lại	-	1.104.763.000	(1.104.763.000)	-	-
Số cuối năm	8.349.978.200	1.104.763.000	4.452.655.923	190.000.000	14.097.397.123
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.104.763.000	1.457.205.923	-	2.561.968.923
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	806.400.108	-	4.440.045.124	598.166.677	5.844.611.909
Khấu hao trong năm	2.653.619	-	615.997.488	38.000.004	656.651.111
Giảm do hợp nhất	(471.575.527)	-	(89.978.524)	(500.000.000)	(1.061.554.051)
Phân loại lại	-	1.104.763.000	(1.104.763.000)	-	-
Số cuối năm	337.478.200	1.104.763.000	3.861.301.088	136.166.681	5.439.708.969
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	10.129.118.456	-	1.207.352.323	91.833.323	11.428.304.102
Số cuối năm	8.012.500.000	-	591.354.835	53.833.319	8.657.688.154

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Mua sắm TSCĐ</i>	-	44.500.000
<i>XDCB dở dang</i>	181.095.571.184	747.888.878.773
Dự án Quốc lộ 1A đoạn tránh thị xã Hà Tĩnh	25.295.169.288	25.295.169.288
Dự án Thủy điện Sê Kông 3	48.849.426.755	48.849.426.755
Công trình Thủy điện Nậm Chiến	13.097.391.370	17.803.035.370
Công trình thủy điện Đăk lô	71.698.110.826	45.215.744.097
Công trình thủy điện Pake	-	581.700.683.143
Các công trình khác	22.155.472.945	29.024.820.120
<i>Sửa chữa lớn TSCĐ</i>	11.204.918.697	26.782.848.753
Cộng	192.300.489.881	774.716.227.526

15. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	21.003.637.490	22.189.109.078
Trừ dự phòng	-	-
Giá trị thuần	21.003.637.490	22.189.109.078

16. Lợi thế thương mại

Số đầu năm	153.221.519.095
Phân bổ trong năm	(19.680.786.062)
Giảm do hợp nhất	(1.648.940.160)
Số cuối năm	131.891.792.873

17. Phải trả người bán**17a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	240.845.944.414	106.204.650.603
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	498.622.103	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	140.248.536.623	-
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	-	347.894.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	67.070.600.000	67.070.600.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin	5.910.727.445	4.745.412.108
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	23.473.422.466	29.407.980.286
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	-	2.243.128.578
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	1.254.400.146	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	2.375.995.541	2.375.995.541
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	13.640.090	13.640.090
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	2.021.705.217.249	2.342.449.472.861
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	71.249.214.917	51.808.619.042
Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05	98.194.596.551	98.194.596.551
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Sông Đà	49.507.786.845	49.599.179.817
Công ty Cổ phần Lilama 10	74.581.442.186	22.624.291.227
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Quân Trung	30.714.991.390	30.714.991.390

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Licogi 12	30.499.926.508	30.499.926.508
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	91.536.636.780	87.575.651.544
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	67.205.116.399	66.297.459.122
Các nhà cung cấp khác	1.508.215.505.673	1.905.134.757.660
Cộng	<u>2.262.551.161.663</u>	<u>2.448.654.123.464</u>

17b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>41.658.449.468</i>	<i>6.389.054.525</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	3.965.569.807	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	28.706.322.084	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin	1.863.279.076	1.844.608.443
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	7.123.278.501	4.293.286.478
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	-	251.159.604
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>104.822.581.512</i>	<i>149.957.855.162</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	21.539.104.116	50.152.431.196
Công ty Cổ phần SCI	8.896.709.509	11.559.859.497
Các đối tượng khác	74.386.767.887	88.245.564.469
Cộng	<u>146.481.030.980</u>	<u>156.346.909.687</u>

18. Người mua trả tiền ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>52.907.890.987</i>	<i>49.710.813.754</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	3.382.321.836	2.899.955.573
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	7.009.634.556	8.269.230.778
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	42.515.934.595	33.072.006.341
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	-	5.469.621.062
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>753.411.030.284</i>	<i>1.222.162.647.426</i>
Bản quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 2	-	113.954.389.000
Bản quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 7	107.167.049.000	176.426.287.000
Công ty Cổ phần thủy điện Pắc Ma	10.994.017.659	135.068.541.819
Công ty TNHH Năng lượng Chaleun Sekong	133.188.364.841	273.983.820.003
Các đối tượng khác	502.061.598.784	522.729.609.604
Cộng	<u>806.318.921.271</u>	<u>1.271.873.461.180</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Đã nộp tại Lào	Giảm do thoái vốn công ty con	Phải nộp	Phải thu
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	307.749.988.310	9.672.135.912	618.573.950.667	(545.655.149.619)	(418.623.438)	(127.802.627.574)	249.462.096.512	6.686.694.078
Thuế GTGT hàng bán nội địa	142.063.845.958	2.159.764.743	288.908.382.648	(235.200.664.145)	-	(66.191.242.417)	128.063.237.833	642.680.532
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	351.584.575	(351.584.575)	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	98.988.000	(98.988.000)	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.133.386.112	7.487.500.113	77.176.512.380	(71.586.779.070)	-	(15.401.218.141)	55.807.841.657	5.973.440.489
Thuế thu nhập cá nhân	11.028.379.323	11.017.365	10.158.169.746	(9.725.202.715)	(418.623.438)	(2.542.308.597)	8.546.116.320	56.719.366
Thuế tài nguyên	15.255.392.694	-	172.201.328.268	(162.676.184.917)	-	(404.687.515)	24.375.848.530	-
Thuế bảo vệ môi trường	3.686.900.832	-	12.350.803.655	(13.024.636.211)	-	(333.744.336)	2.679.323.940	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	7.664.311.719	-	25.608.286.634	(24.531.367.827)	-	(6.922.980.668)	1.818.249.858	-
Các loại thuế khác	2.921.800.705	-	1.581.894.265	(58.134.824)	-	(2.641.456.485)	1.804.103.661	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	57.995.970.967	13.853.691	30.138.000.496	(28.401.607.335)	-	(33.364.989.415)	26.367.374.713	13.853.691
Cộng	307.749.988.310	9.672.135.912	618.573.950.667	(545.655.149.619)	(418.623.438)	(127.802.627.574)	249.462.096.512	6.686.694.078

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi tiền vay, lãi trái phiếu	428.976.844.536	311.531.118.142
Chi phí các công trình	620.673.879.494	359.599.934.906
Tiền chậm nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	126.152.379.923	81.190.009.941
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	13.841.369.680	40.959.436.443
Cộng	1.189.644.473.633	793.280.499.432

21. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</i>	<i>12.976.296.293</i>	<i>15.753.740.500</i>
Doanh thu xây dựng công trình nhận trước	3.389.382.094	6.206.148.891
Doanh thu cho thuê văn phòng	9.586.914.199	9.547.591.609
<i>Doanh thu chưa thực hiện dài hạn</i>	<i>90.439.782.764</i>	<i>152.124.400.064</i>
Cộng	103.416.079.057	167.878.140.564

22. Phải trả khác

22a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>4.484.323.259</i>	<i>4.540.258.259</i>
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	-	51.435.000
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	70.224.988	70.224.988
Công ty TNHH điện Xekaman 3	4.414.098.271	4.414.098.271
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	-	4.500.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>2.145.353.157.155</i>	<i>2.056.808.238.522</i>
Kinh phí công đoàn	19.860.129.300	19.446.516.385
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	50.151.566.505	74.431.753.049
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	63.314.972.102	74.853.376.076
Lãi vay và các khoản phải trả Bộ Tài chính	403.222.633.265	368.728.907.366
Chi phí lãi vay khác	458.712.007.859	484.975.886.127
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	332.697.759.773	230.941.385.796
Các khoản chờ quyết toán cổ phần hóa	473.711.066.726	473.711.066.726
Chi phí trung, đại tu chờ quyết toán	55.191.456.725	55.350.017.905
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	288.491.564.900	274.369.329.092
Cộng	2.149.837.480.414	2.061.348.496.781

22b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người ủy thác đầu tư	51.299.220.000	58.017.030.000
Nhận ký quỹ dài hạn	13.201.000.517	2.460.645.593
Tiền bán căn hộ theo hợp đồng liên doanh với Công ty Sản xuất Thương mại BMM	-	57.760.396.881
Công ty TNHH Nhạc Sơn	18.032.044.491	16.702.792.239
Các khoản phải trả dài hạn khác	9.115.588.469	8.405.696.523
Cộng	91.647.853.477	143.346.561.236

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Vay và nợ thuê tài chính

23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng	2.762.992.591.867	3.628.989.300.634
Vay các tổ chức và cá nhân khác	62.655.601.958	25.953.105.002
Vay dài hạn đến hạn trả	2.353.921.023.600	1.654.546.716.179
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	15.856.253.140	15.932.182.427
Cộng	5.195.425.470.565	5.325.421.304.242

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngân hàng	Vay các tổ chức, cá nhân khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	3.628.989.300.634	25.953.105.002	1.654.546.716.179	15.932.182.427	5.325.421.304.242
Số tiền vay phát sinh trong năm	2.985.557.064.724	89.910.779.000	-	-	3.075.467.843.724
Số kết chuyển	-	-	1.262.207.111.134	17.071.376.881	1.279.278.488.015
Lãi nhập gốc	-	1.432.440.728	-	-	1.432.440.728
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	(14.326.849)	-	113.373.098.882	(653.154.302)	112.705.617.731
Số tiền vay đã trả trong năm	(3.635.330.342.119)	(36.136.510.657)	(660.932.247.770)	(16.494.151.866)	(4.348.893.252.412)
Giảm do thoái vốn công ty con	(218.368.211.467)	(10.639.904.405)	(15.140.129.760)	-	(244.148.245.632)
Giảm do bù trừ công nợ	-	(5.810.700.766)	(28.025.065)	-	(5.838.725.831)
Phân loại lại	2.159.106.944	(2.053.606.944)	(105.500.000)	-	-
Số cuối năm	2.762.992.591.867	62.655.601.958	2.353.921.023.600	15.856.253.140	5.195.425.470.565

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng	5.307.395.152.725	6.314.738.235.745
Trái phiếu (*)	1.040.000.000.000	1.033.381.589.416
Nợ thuê tài chính dài hạn	15.712.330.581	25.189.995.339
Cộng	6.363.107.483.308	7.373.309.820.501

(*) Là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, kỳ hạn là 3 năm, mục đích phát hành để tái cơ cấu các khoản nợ. Trái chủ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, Ngân hàng TMCP Tiên phong và Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Lãi suất của Trái phiếu được xác định tại ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi, bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) công bố bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch) cộng biên độ 4%/năm. Tài sản đảm bảo là Cổ phiếu mà Tổng công ty Sông Đà nắm giữ bao gồm: SD2, SD3, SD4, SD5, SD6, SD9, SDT, SJD, SJS, SDC, VCP, MPC và MEC.

Tổng công ty đã có công văn gửi Ngân hàng đề nghị gia hạn thời gian thanh toán nợ gốc Trái phiếu
Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay ngân hàng	Trái phiếu	Nợ thuê tài chính dài hạn	Cộng
Số đầu năm	6.314.738.235.745	1.033.381.589.416	25.189.995.339	7.373.309.820.501
Số tiền vay phát sinh trong năm	375.226.989.128	-	12.638.727.274	387.865.716.402
Số tiền vay đã trả trong năm	(7.075.322.955)	-	(5.045.015.151)	(12.120.338.106)
Số kết chuyển	(1.262.207.111.134)	-	(17.071.376.881)	(1.279.278.488.015)
Giảm do thoái vốn công ty con	(109.263.018.061)	-	-	(109.263.018.061)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	(4.024.619.997)	-	-	(4.024.619.997)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	6.618.410.584	-	6.618.410.584
Số cuối năm	5.307.395.152.725	1.040.000.000.000	15.712.330.581	6.363.107.483.308

24. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	47.587.717.307	54.580.752.569
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	36.808.003.020	40.837.112.726
Tăng khác	734.558.896	187.328.727
Chi quỹ	(43.929.030.535)	(47.948.932.068)
Giảm do hợp nhất	(2.010.219.563)	-
Giảm khác	(68.544.647)	(68.544.647)
Số dư cuối năm	39.122.484.478	47.587.717.307

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. **Vốn chủ sở hữu**

25a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.495.371.120.000	-	-	4.495.371.120.000
Thặng dư vốn cổ phần	121.567.440.382	-	549.587.944	121.017.852.438
Vốn khác của chủ sở hữu	19.346.479.965	18.642.211.852	-	37.988.691.817
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(1.605.686.775.287)	-	2.580.612.086	(1.608.267.387.373)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	233.542.101.533	-	43.526.716.167	190.015.385.366
Quỹ đầu tư phát triển	766.899.475.459	-	4.670.934.643	762.228.540.816
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.798.115.744	-	-	6.798.115.744
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.040.671.493.393	-	403.758.638.553	636.912.854.840
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	9.749.706	-	-	9.749.706
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.503.525.364.259	24.937.307.822	-	2.528.462.672.081
Cộng	<u>7.582.044.565.154</u>	<u>43.579.519.674</u>	<u>455.086.489.393</u>	<u>7.170.537.595.435</u>

25b. **Thặng dư vốn cổ phần**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng số thặng dư vốn cổ phần của các Công ty con được hợp nhất	262.743.562.150	274.670.739.377
Loại trừ vào các khoản đầu tư lẫn nhau	(28.927.298.277)	(33.882.679.977)
Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	(112.798.411.435)	(119.220.619.018)
Thặng dư vốn cổ phần của Tổng công ty	<u>121.017.852.438</u>	<u>121.567.440.382</u>

25c. **Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Chi tiết lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	1.667.542.960.000	1.681.513.650.000
Thặng dư vốn cổ phần	112.798.411.435	119.220.619.018
Vốn khác của Chủ sở hữu	16.958.839.827	16.958.839.827
Cổ phiếu quỹ	(620.000)	(620.000)
Quỹ đầu tư phát triển	489.063.045.590	513.158.460.200
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.797.338.433	3.797.338.433
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	66.488.646.398	(7.244.162.408)
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	6.916.414	6.916.414
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con	171.807.133.984	176.114.322.775
Cộng	<u>2.528.462.672.081</u>	<u>2.503.525.364.259</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	6.044.289.725.925	6.973.551.104.678
Doanh thu sản xuất công nghiệp	1.950.705.366.175	2.161.100.249.265
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	47.073.206.560	122.075.363.845
Doanh thu dịch vụ	140.261.956.353	196.478.633.600
Doanh thu kinh doanh bất động sản	107.239.137.161	116.696.930.719
Doanh thu hoạt động xây dựng	3.744.016.594.895	4.345.247.111.912
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	54.993.464.781	31.952.815.337
Các khoản giảm trừ doanh thu	(44.625.212.967)	(20.542.812.874)
Cộng	5.999.664.512.958	6.953.008.291.804

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn sản xuất công nghiệp	1.052.338.758.618	1.165.599.710.365
Giá vốn vật tư, hàng hóa	34.446.332.362	104.401.265.589
Giá vốn dịch vụ	95.841.651.507	123.540.255.860
Giá vốn kinh doanh bất động sản	84.113.119.774	75.061.311.820
Giá vốn hoạt động xây dựng	3.284.753.842.905	3.841.703.860.717
Giá vốn hoạt động kinh doanh khác	50.621.312.969	22.604.482.128
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(11.222.683.616)
Cộng	4.602.115.018.135	5.321.688.202.863

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, Lãi tiền cho vay	177.649.857.894	198.961.806.476
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.875.872.984	115.615.774.953
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	24.210.495.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	34.517.250.151	15.633.803.795
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	19.940.743.776
Doanh thu hoạt động tài chính khác	88.879.062	73.416.648
Cộng	217.131.860.091	374.436.040.648

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	683.013.365.687	841.960.231.544
Lãi trái phiếu, Chi phí phát hành trái phiếu	117.673.314.694	130.804.098.254
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	28.457.667.895	22.067.850.878
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	28.050.121.039	10.071.724.820
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	5.530.891.594	5.243.748.390
Chi phí tài chính khác	4.064.088.774	7.817.613.848
Cộng	<u>866.789.449.683</u>	<u>1.017.965.267.734</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.266.780.180	2.732.333.372
Chi phí vật liệu, bao bì	1.040.742.828	1.499.423.919
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.930.690	802.427.849
Các chi phí khác	1.633.894.979	1.394.141.857
Cộng	<u>4.973.348.677</u>	<u>6.428.326.997</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	260.266.810.371	308.087.416.906
Chi phí vật liệu quản lý	12.404.484.979	16.076.155.044
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.101.056.647	7.919.762.512
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.737.563.657	18.802.037.578
Thuế, phí và lệ phí	6.425.290.782	8.732.249.195
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	18.237.403.409	45.704.861.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.851.957.289	41.584.776.133
Các chi phí khác	116.809.191.169	131.006.133.646
Cộng	<u>471.833.758.303</u>	<u>577.913.392.307</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	24.358.118.127	10.723.011.433
Thu từ thanh lý Công cụ dụng cụ	1.216.185.454	265.518.639
Hoàn nhập trích trước chi phí công trình	-	1.572.523.862
Thu về chuyển nhượng chứng chỉ phát thái	607.656.492	3.832.177.019
Thu nhập từ phí cấp quyền khai thác nước	-	12.023.306.000
Nhận hỗ trợ chênh lệch tỷ giá từ Công ty Mua bán điện	-	7.966.082.186
Công nợ không phải trả	4.478.944.327	2.176.114.344
Phí tư vấn và bảo lãnh	4.547.221.257	-
Thu nhập từ tiền bồi thường bảo hiểm công trình	7.249.478.551	-
Thu nhập khác	4.171.333.036	8.865.532.549
Cộng	<u>46.628.937.244</u>	<u>47.424.266.032</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	-	112.327.047
Giá trị còn lại của tài sản giảm do cháy nổ trong năm - Thủy điện Nậm Mu	-	5.149.439.092
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội và các khoản khác	57.799.340.784	121.920.562.864
Thuế TNDN, TNCN nộp bên Lào	1.216.231.528	697.965.653
Chi phí chuyên nhượng giảm phát thải	255.043.513	1.604.159.520
Chi phí điều chỉnh sau quyết toán nhà máy Thủy điện Nậm Chiến	-	2.765.973.079
Phí tư vấn và bảo lãnh	4.547.221.257	-
Chi phí khác	5.519.037.661	3.205.651.827
Cộng	<u>69.336.874.743</u>	<u>135.456.079.082</u>

9. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

	<u>Tỷ lệ vốn góp %</u>	<u>Phần lợi nhuận sau thuế hoặc lỗ phát sinh trong năm của Công ty liên kết</u>	<u>Phần lợi nhuận hoặc lỗ của Công ty mẹ trong công ty liên kết</u>
Công ty Cổ phần BOT Quốc Lộ 2	28,65%	(54.077.322.919)	(4.470.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	30,00%	127.569.832	38.270.950
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	50,00%	404.432.096	84.263.064
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	36,65%	30.565.120.259	11.109.323.001
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	36,00%	(3.796.126.309)	(1.366.605.471)
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	38,29%	12.156.877.748	4.268.015.158
Phần lợi nhuận trong Công ty liên kết của Công ty con trong Báo cáo hợp nhất		-	135.673.455
Cộng		<u>(14.619.449.293)</u>	<u>9.798.940.157</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	7.521.352.863	157.474.040.870
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.521.352.863	157.474.040.870
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	449.537.112	449.537.112
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>17</u>	<u>350</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty mẹ và các Công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty mẹ và các Công ty con không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay				
Ông Hồ Văn Dũng\ Chủ tịch Hội đồng quản trị	629.285.909	6.000.000	-	635.285.909
Ông Trần Văn Tuấn\ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	534.645.455	6.000.000	84.000.000	624.645.455
Ông Phạm Văn Quân\ Thành viên Hội đồng quản trị	548.087.727	6.000.000	-	554.087.727
Ông Đặng Quốc Bảo\ Thành viên Hội đồng quản trị	533.483.182	6.000.000	-	539.483.182
Ông Phạm Đức Thành\ Phó Tổng Giám đốc	358.272.213	6.000.000	-	364.272.213
Ông Nguyễn Văn Thụ\ Phó Tổng Giám đốc	353.352.273	6.000.000	-	359.352.273
Ông Hoàng Ngọc Tú\ Phó Tổng Giám đốc	67.041.818	-	-	67.041.818
Ông Nguyễn Văn Sơn\ Phó Tổng Giám đốc	208.000.000	6.000.000	-	214.000.000
Ông Nguyễn Văn Thắng\ Trưởng Ban Kiểm soát	370.260.000	6.000.000	-	376.260.000
Ông Trần Thế Anh\ Thành viên Ban Kiểm soát	174.643.864	6.000.000	48.000.000	228.643.864
	3.777.072.441	54.000.000	132.000.000	3.963.072.441

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm trước				
Ông Hồ Văn Dũng\ Chủ tịch Hội đồng quản trị	625.212.182	8.000.000	-	633.212.182
Ông Trần Văn Tuấn\ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	374.571.429	8.000.000	84.000.000	466.571.429
Ông Phạm Văn Quán\ Thành viên Hội đồng quản trị	550.800.000	8.000.000	-	558.800.000
Ông Đặng Quốc Bảo\ Thành viên Hội đồng quản trị	550.800.000	8.000.000	-	558.800.000
Ông Nguyễn Văn Tùng\ Thành viên Hội đồng quản trị	183.600.000	8.000.000	-	191.600.000
Ông Phạm Đức Thành\ Phó Tổng Giám đốc	332.401.304	8.000.000	-	340.401.304
Ông Nguyễn Văn Thự\ Phó Tổng Giám đốc	115.114.286	1.000.000	-	116.114.286
Ông Hoàng Ngọc Tú\ Phó Tổng Giám đốc	-	7.000.000	-	7.000.000
Ông Nguyễn Văn Sơn\ Phó Tổng Giám đốc	-	8.000.000	-	8.000.000
Ông Nguyễn Văn Thắng\ Trưởng Ban Kiểm soát	363.589.564	8.000.000	-	371.589.564
Ông Trần Thế Anh\ Thành viên Ban Kiểm soát	85.200.000	5.000.000	28.000.000	118.200.000
Bà Trần Thị Mỹ Hào\ Trưởng Ban Kiểm soát	159.474.275	3.000.000	28.000.000	190.474.275
Ông Phạm Văn Viết\ Thành viên Ban Kiểm soát	149.356.952	3.000.000	-	152.356.952
Cộng	3.490.119.992	83.000.000	140.000.000	3.713.119.992

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty mẹ và các Công ty con gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	Công ty liên kết
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	Công ty liên kết
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty mẹ và các Công ty con không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường do Công ty mẹ và các Công ty con công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.17, V.18, và V.22.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty mẹ và các Công ty con do các hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty mẹ và các Công ty con có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Sản xuất điện, bê tông thương phẩm.
- Lĩnh vực xây lắp: xây dựng công trình.
- Lĩnh vực khác: dịch vụ khác, bất động sản, hàng hóa...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Sản xuất công nghiệp	Xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.950.705.366.175	3.700.380.548.026	348.578.598.757	5.999.664.512.958
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.950.705.366.175	3.700.380.548.026	348.578.598.757	5.999.664.512.958
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	898.366.607.557	415.626.705.121	83.556.182.145	1.397.549.494.823
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(476.807.106.980)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				920.742.387.843
Doanh thu hoạt động tài chính				217.131.860.091
Chi phí tài chính				(866.789.449.683)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				9.798.940.157
Thu nhập khác				46.628.937.244
Chi phí khác				(69.336.874.743)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản xuất công nghiệp	Xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(78.871.743.299)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(568.098.751)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				178.735.958.859
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	271.964.702.561	75.042.351.103	6.709.116.953	353.716.170.617
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	418.559.650.432	223.104.892.284	34.971.719.315	676.636.262.031
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.161.100.249.265	4.324.704.299.038	467.203.743.501	6.953.008.291.804
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.161.100.249.265	4.324.704.299.038	467.203.743.501	6.953.008.291.804
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	995.500.538.900	483.000.438.321	152.819.111.720	1.631.320.088.941
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(584.341.719.304)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.046.978.369.637
Doanh thu hoạt động tài chính				374.436.040.648
Chi phí tài chính				(1.017.965.267.734)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				85.217.025.058
Thu nhập khác				47.424.266.032
Chi phí khác				(135.456.079.082)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(82.724.531.188)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				3.569.355.477
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				321.479.178.848
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(101.403.754.764)	(202.924.993.561)	(21.922.265.682)	(326.251.014.008)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(228.457.411.072)	(457.179.507.589)	(49.389.729.940)	(735.026.648.601)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Sản xuất công nghiệp	Xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	9.161.125.040.883	9.455.773.614.504	1.401.849.337.779	20.018.747.993.166
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				6.035.154.907.768
Tổng tài sản				26.053.902.900.934
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.566.772.740.989	13.865.810.908.316	450.747.060.597	18.883.330.709.902
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				18.883.330.709.902
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	10.636.818.097.692	13.331.480.155.758	430.769.420.578	24.399.067.674.028
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				3.583.857.195.309
Tổng tài sản				27.982.924.869.337
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	7.110.571.801.654	12.878.602.663.772	411.671.243.160	20.400.845.708.586
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				20.400.845.708.586

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	4.651.059.026.237	6.592.295.017.955
Ngoài nước	1.348.605.486.721	360.713.273.849
Cộng	5.999.664.512.958	6.953.008.291.804

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn